

Số: ~~2743~~ /QĐ-CT

Hải Phòng, ngày 22 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành;  
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính  
bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn  
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định số 2033/QĐ-BNN-CN ngày 04/6/2018 về việc công bố thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản; Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực thủy lợi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 164/TTr-SNN ngày 11/10/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

*Nơi nhận:*

- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 4;
- C, PVP UBND TP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Tùng**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**  
**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2443/QĐ-CT ngày 22 tháng 10 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**A. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (09 TTHC)**

| Stt                                                         | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                        | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LĨNH VỰC THỦY LỢI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (09 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                     |                     |                                           |                      |                                                                                                                                              |
| 1                                                           | Cấp lại giấy phép bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                                                                            | 03 ngày làm việc    | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không                | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.                                     |
| 2                                                           | Cấp lại giấy phép tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố. | 03 ngày làm việc    | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không                | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.                                     |
| 3                                                           | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND thành phố quản lý.                                      | 30 ngày làm việc    | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không                | Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |
| 4                                                           | Phê duyệt, điều chỉnh                                                                                                                                               | 30                  | Chi                                       | Không                | Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT                                                                                                               |

|   |                                                                                                                                                              |                  |                                           |       |                                                                                                               |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND thành phố quản lý                                                            | ngày làm việc    | cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai     |       | ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |
| 5 | Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                                                                              | 10 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.      |
| 6 | Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                                                              | 15 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.      |
| 7 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố. | 10 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.      |
| 8 | Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                            | 15 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.      |

|   |                                                                                                                                                                |                  |                                           |       |                                                                                                          |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố. | 10 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**B. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (01 TTHC)**

| <b>LĨNH VỰC THỦY LỢI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)</b> |                                                                                                                           |                            |                           |                             |                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Stt</b>                                                  | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                             | <b>Thời hạn giải quyết</b> | <b>Địa điểm thực hiện</b> | <b>Phí, lệ phí (nếu có)</b> | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                                                                                                        |
| 1                                                           | Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND thành phố phân cấp (UBND cấp huyện phê duyệt) | 30 ngày làm việc           | UBND cấp huyện            | Không                       | Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |

**C. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (01 TTHC)**

| <b>LĨNH VỰC THỦY LỢI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (01 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                     |                            |                           |                             |                                                                                                                                              |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Stt</b>                                                  | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                       | <b>Thời hạn giải quyết</b> | <b>Địa điểm thực hiện</b> | <b>Phí, lệ phí (nếu có)</b> | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                                                                                                        |
| 1                                                           | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện). | 07 ngày làm việc           | UBND cấp xã               | Không                       | Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiêu tiến và tiết kiệm nước. |

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2743~~ <sup>2743</sup> /QĐ-CT ngày 22 tháng 10 năm 2018

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**A. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (04 TTHC)**

| Stt                                                        | Tên thủ tục hành chính                                                                               | Địa điểm thực hiện                    | Phí, lệ phí (theo QĐ 479/QĐ-CT)                                                | Phí, lệ phí (sửa đổi) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (04 TTHC)</b> |                                                                                                      |                                       |                                                                                |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1                                                          | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.    | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | - Phân vô cơ: 1.200.000 đồng<br>- Phân hữu cơ và phân bón khác: 6.000.000 đồng | 3.000.000 đồng        | Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp. |
| 2                                                          | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | 2.500.000 đồng                                                                 | 1.200.000 đồng        | Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp. |
| 3                                                          | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón                                                   | Chi cục Trồng trọt và                 | Không                                                                          | 500.000 đồng          | Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ                                                                                                                                                                                                        |

|   |                                                        |                                       |       |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---|--------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                        | Bảo vệ thực vật                       |       |              | sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.                                                                         |
| 4 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Không | 200.000 đồng | Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp. |

**B. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (01 TTHC)**

| Stt                                             | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm thực hiện        | Thời hạn giải quyết (theo QĐ 479/QĐ-CT)         | Thời hạn giải quyết (sửa đổi)                   | Căn cứ pháp lý                                                                            |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP - KIỂM LÂM (01 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                                                                |                           |                                                 |                                                 |                                                                                           |
| 1                                               | Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn | Ủy ban nhân dân cấp huyện | 21 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |

**PHỤ LỤC III**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ**  
**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2743 /QĐ-CT ngày 12 tháng 10 năm 2018  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (10 TTHC)**

| Stt                                                            | Thủ tục hành chính được thay thế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thủ tục hành chính thay thế                                                                                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                        | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                           |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC THỦY LỢI VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (07 TTHC)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                      |                     |                                           |                      |                                                                                                          |
| 1                                                              | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố. | Cấp giấy phép cho các hoạt động xây dựng kho, bến bãi, bốc dỡ; tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; xây dựng chuồng trại chăn thả gia súc, nuôi trồng thủy sản; chôn phế thải, chất thải. | 25 ngày làm việc    | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không                | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |
| 2                                                              | Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                                                                                                                                                                                                                                                      | Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn                             | 30 ngày làm việc    | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không                | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |

|   |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                  |                                           |       |                                                                                                          |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                                                                                                                                          | 1000m <sup>3</sup> /ngày đêm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |                                           |       |                                                                                                          |
| 3 | Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND thành phố. | Cấp giấy phép cho hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, trừ các trường hợp sau: a) Các loại xe mô tô hai bánh, xe gắn máy, xe cơ giới dùng cho người tàn tật; b) Xe cơ giới đi trên đường giao thông công cộng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; c) Xe cơ giới đi qua công trình thủy lợi kết hợp đường giao thông công cộng có trọng tải, kích thước phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế của công trình thủy lợi. | 07 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |
| 4 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                 | Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 10 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |
| 5 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan,           | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 15 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên     | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |

|   |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |                                           |       |                                                                                                          |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   | đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                                                            | Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.                                                                                                                                                    |                  | tai                                       |       |                                                                                                          |
| 6 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố. | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2, 3, 5, 6, 7, 8 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.         | 05 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |
| 7 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND thành phố.                                                                                                       | Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi thuộc tỉnh quản lý; hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, công trình thủy lợi quan trọng quốc gia với lưu lượng xả nhỏ hơn 1000m <sup>3</sup> /ngày đêm. | 15 ngày làm việc | Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai | Không | Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. |

## **II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (03 TTHC)**

|   |                     |                                                                          |                  |                         |       |                                                                             |
|---|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Công nhận làng nghề | Xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thành | 30 ngày làm việc | Chi cục Phát triển nông | Không | Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành |
|---|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------|

|   |                                  |               |                  |                              |       |                 |
|---|----------------------------------|---------------|------------------|------------------------------|-------|-----------------|
|   |                                  | phố Hải Phòng |                  | thôn                         |       | nghề nông thôn. |
| 2 | Công nhận nghề truyền thống      |               | 30 ngày làm việc | Chi cục Phát triển nông thôn | Không |                 |
| 3 | Công nhận làng nghề truyền thống |               | 30 ngày làm việc | Chi cục Phát triển nông thôn | Không |                 |

**PHỤ LỤC IV**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**  
**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2743~~ /QĐ-CT ngày ~~22~~ tháng ~~10~~ năm 2018

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

**A. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (03 TTHC)**

| Stt                                                                      | Tên thủ tục hành chính                                 | Địa điểm thực hiện                                  | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN (02 TTHC)</b> |                                                        |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1                                                                        | Xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm lần đầu          | Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản | Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.                                                                                                                                                                                                       |
| 2                                                                        | Xác nhận lại nội dung quảng cáo thực phẩm              |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y (01 TTHC)</b>                         |                                                        |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1                                                                        | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi | Chi cục Chăn nuôi và Thú y                          | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;</li><li>- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.</li></ul> |

**B. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (02 TTHC)**

| STT                                               | Tên thủ tục hành chính                                                                                                    | Địa điểm thực hiện | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 TTHC)</b> |                                                                                                                           |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1                                                 | Thẩm định, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 3                                  | UBND cấp huyện     | Thông tư số 18/TT-BNNPTNT ngày 9/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020. |
| 2                                                 | Thẩm định, phê duyệt dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế theo quy hoạch thuộc Chương trình 30a |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |